

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Lưu ý về định dạng văn bản: *font times new roman; size 12, spacing: before: 0pt, after: 3pt; line spacing: multiple: 1.03*). Lưu tên file: [ddmmyyyy][MCK]_Ban so sanh dieu le/quy che.

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phân in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật chứng khoán 2019 là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
CĂN CỨ	CĂN CỨ	
- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26	Điều chỉnh dẫn chiếu điều luật

<p><u>tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></p> <p><u>- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</u></p> <p><u>- Thông tư số 95/2017/TT-BTC/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.</u></p>	<p><i>tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</i></p> <p><i>- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p>	
<p>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</p>	<p>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	
	<p><i>2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 1 Điều 1 Phụ lục II Thông tư 116/2020/NĐ-CP Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>
<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p>	
<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị; 	<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị; 	<p>Bổ sung theo Điều 40 Luật chứng khoán 2019</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty. 	<p><i>nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty; - <i>Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;</i> - <i>Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;</i> - <i>Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</i> 	
<p>f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định <u>Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</u> và <u>Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp</u>.</p>	<p>f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định <i>Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</i> và <i>Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp</i>.</p>	<p>Điều chỉnh dẫn chiếu điều luật</p>
<p>g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại <u>Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</u>.</p>	<p>g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại <i>Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</i>.</p>	<p>Điều chỉnh dẫn chiếu điều luật</p>
	<p>h. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: <i>vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của</i></p>	<p>Tham chiếu quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp</p>

	<i>chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</i>	
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của <u>các tiểu ban thuộc HĐQT</u> (Phụ lục 4 đính kèm);	Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty <i>Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT (Phụ lục 4 đính kèm); Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) (Phụ lục 5 đính kèm)</i>	
<u>Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Phụ lục 6 đính kèm);</u> <u>Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 7 đính kèm);</u> <u>Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 8 đính kèm).</u>	<i>Trình tự và thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 6 đính kèm); Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban điều hành (Phụ lục 7 đính kèm); Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 8 đính kèm); Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 8 đính kèm).</i>	
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty 2. Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty 2. Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. <i>Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị.</i>	

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	
<p>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:</p> <p>- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p>	<p>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:</p> <p>- Ủy quyền cho <i>cá nhân, tổ chức khác</i> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020</p>
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
<p>Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</p> <p>1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:</p>	<p>Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường</p> <p>1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:</p> <p><i>a. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>b. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;</i></p> <p><i>e. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; cách thức cổ đông kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp;</i></p> <p><i>f. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông; tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;</i></p> <p><i>h. Điều kiện tiến hành</i></p> <p><i>k. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;</i></p> <p><i>l. Thông báo kết quả kiểm phiếu;</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/NĐ-CP Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>

<p>4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại <i>Điều 144</i> Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều chỉnh dẫn chiếu điều luật</p>
<p>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	
<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p>	<p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên <i>theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp</i> tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <p>1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại <i>khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp</i> và Điều lệ công ty;</p>	<p>Theo Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);</p>	<p>3. <i>Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập</i> và Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Theo Khoản 4 Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Đây là nội dung bắt buộc đối với công ty niêm yết</p>
	<p>4. <i>Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng</i></p>	<p>Theo Khoản 5 Điều</p>

	<i>quản trị;</i>	280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Đây là nội dung bắt buộc đối với Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
<p>Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.</p> <p><u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u></p>	<p>Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.</p> <p><i>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định sau:</i></p> <p><i>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</i></p> <p><i>b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</i></p> <p><i>c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</i></p>	Sửa theo Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

<p>Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <i>Khoản 2 Điều 17</i> của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>
<p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;</p>	<p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm <i>trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty</i> và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.</p>	<p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:</p> <p>- Không phải là người đang làm việc cho công ty, <i>công ty mẹ hoặc</i> công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, <i>công ty mẹ hoặc</i> công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người điều hành của công ty hoặc công ty con của công ty;</p>	<p>- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người <i>quản lý</i> của công ty hoặc công ty con của công ty;</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.</p>	<p>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, <i>trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02</i></p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020</p>

	<i>nhiệm kỳ.</i>	
<p>Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 162</u> Luật Doanh nghiệp. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ký kết với những người được quy định tại <u>Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u> phải được đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 11. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có <i>giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty <i>trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp.</i></p> <p>4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <i>Khoản 1 Điều 167</i> Luật Doanh nghiệp. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ký kết với những người được quy định tại <i>Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</i> phải được đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Sửa theo Điều h Khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và</p>	<p>Điều 12. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, <i>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</i> và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty, <i>Quy</i></p>	<p>Bổ sung dựa trên Khoản 1 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

<p>Điều lệ công ty.</p>	<p><i>chế hoạt động của Hội đồng quản trị không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i></p>	
<p>Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>đến dưới 15%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, <u>trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, <i>trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, điểm h khoản 2 Điều 153 và Điều 167 của Luật doanh nghiệp.</i></p>	
<p>Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.</p> <p>3. Các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh</p>	<p>Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.</p> <p>3. Các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh</p>	

toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.	toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.	
<u>Điều 20. Thành lập và hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán</u>	<u>Điều 20. Thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán</u>	Luật doanh nghiệp 2020 sử dụng thuật ngữ “Ủy ban kiểm toán” thay vì “Tiểu ban kiểm toán”
1. Tiêu chuẩn của Thành viên Tiểu ban Kiểm toán	1. Tiêu chuẩn của Thành viên Ủy ban kiểm toán	
<p><u>- Các thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành sẽ chiếm đa số trong Tiểu ban Kiểm toán;</u></p> <p><u>- HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán và kiểm toán (có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan) và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty.</u></p> <p><u>- Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán sẽ có chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng về quản lý rủi ro, hoạt động, tuân thủ.</u></p>	<p><i>- Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</i></p> <p><i>- Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:</i></p> <p><i>+ Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty</i></p> <p><i>+ Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</i></p>	Sửa theo Khoản 2 Điều 282 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
2. Quyền hạn và trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán	2. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán	
<u>a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07</u>	<i>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</i>	Sửa theo Khoản 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

(bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;

c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 37 và Điều 38 của Điều lệ công ty thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;

a. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

b. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

c. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

d. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.

e. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ công ty;

f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

<p><u>- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</u></p> <p><u>- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;</u></p> <p><u>- Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.</u></p> <p><u>j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty, và quy định Pháp Luật.</u></p>		
<p>3. Cuộc họp của <u>Tiểu ban Kiểm toán</u> tiến hành họp hoặc thảo luận định kỳ hàng quý trước cuộc họp quý của HĐQT. Thành phần tối thiểu của một cuộc họp là 2/3 thành viên.</p> <p>- Tùy theo công việc được phân công, thành viên <u>Tiểu ban Kiểm toán</u> có thể yêu cầu họp riêng với lãnh đạo các đơn vị thuộc Ban điều hành;</p> <p>- <u>Tiểu ban Kiểm toán</u> làm việc theo cơ chế biểu quyết đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của <u>Trưởng tiểu ban</u> sẽ là ý kiến quyết định;</p> <p>- <u>Trưởng Tiểu ban Kiểm toán</u> có thể triệu tập cuộc họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong <u>Tiểu ban</u> để thảo luận về các chủ đề riêng biệt.</p>	<p>3. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.</p> <p>- Tùy theo công việc được phân công, thành viên Ủy ban Kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với lãnh đạo các đơn vị thuộc Ban điều hành;</p> <p>- Ủy ban Kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của <u>Chủ tịch Ủy ban</u> sẽ là ý kiến quyết định;</p> <p>- <u>Chủ tịch Ủy ban kiểm toán</u> có thể triệu tập cuộc họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong Ủy ban để thảo</p>	

	luận về các chủ đề riêng biệt.	
<p>Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại <u>khoản 5 Điều 152</u> Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại <i>khoản 5 Điều 156</i> Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p><i>i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</i></p> <p><i>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ_CP</p>
CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH	
<p>Điều 22. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 18</u> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 22. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <i>khoản 2 Điều 17</i> của Luật Doanh nghiệp.</p> <p><i>c. Không phải là người đã bị phán quyết đã làm cho công ty mà họ đã từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</i></p> <p>c. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty</p>

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	
<p>Điều 25. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan được quy định tại Điều lệ Công ty và chi tiết tại Quy định phân cấp thẩm quyền tài chính của công ty.</p> <p>2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.</p> <p>3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty.</p> <p>4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.</p>	<p>Điều 25. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>1. Thẩm quyền phê duyệt việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan được quy định tại Điều lệ Công ty và chi tiết tại Quy định phân cấp thẩm quyền tài chính của công ty.</p> <p>2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.</p> <p>3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty.</p> <p>4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.</p>	
<p>Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p> <p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần,</p>	<p>Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này</p> <p>2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp sau đây:</p> <p><i>a. Công ty là tổ chức tín dụng.</i></p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 292 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

<p>phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 <u>theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>a. Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.</p>	
<p>4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau: a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, <u>trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông</u> là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau: a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trường hợp công ty và <i>tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc</i>, người quản lý khác là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị <u>từ 20%</u> trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu</p>	<p>b) <i>Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc</i> giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch <i>phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên</i> có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối</p>	<p>Sửa theo Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

<p>trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>tượng này;</p> <p>- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại <i>khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.</i></p>	
<p>CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	<p>CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	
<p>Điều 29. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty</p> <p>1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 29. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty</p> <p>1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 31. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc</p> <p>Tiền lương của Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Điều 31. Công bố thông tin về thu nhập của <i>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</i></p> <p>Thù lao của <i>từng thành viên Hội đồng quản trị</i> và tiền lương của Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Sửa theo Điều 163 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc</p>
<p>Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</p>	<p>Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 299 Nghị định</p>

<p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là <u>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</u> trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p>	<p>Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, trong các trường hợp sau:</p> <p>1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là <i>người quản lý doanh nghiệp</i> trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p>	155/2020/NĐ-CP
<p>Điều 33. Tổ chức công bố thông tin</p> <p>2. <u>Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty</u> có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.</p>	<p>Điều 33. Tổ chức công bố thông tin</p> <p>2. <i>Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty</i> có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.</p>	Điều 300 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
<p>CHƯƠNG IX: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</p>	<p>CHƯƠNG IX: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</p>	
<p>Điều 35. Xử lý vi phạm</p> <p>Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại <u>Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP</u></p>	<p>Điều 35. Xử lý vi phạm</p> <p>Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại <i>Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p>	Cập nhật dẫn chiếu điều luật

<p><u>ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.</u></p>		
<p>Điều 37. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm X chương, 37 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam thống nhất thông qua <u>ngày 27 tháng 06 năm 2020</u> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p>	<p>Điều 37. Ngày hiệu lực 1. Quy chế này gồm X chương, 37 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam thống nhất thông qua <i>ngày 19 tháng 04 năm 2021</i> và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p>	
<p>PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <u>ngày 27 tháng 06 năm 2020</u> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam) Căn cứ <u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u> <u>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 ;</u> <u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017</u></p>	<p>PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <i>ngày 19 tháng 04 năm 2021</i> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam) Căn cứ <i>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.</i> <i>Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</i> <i>Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</i></p>	<p>Cập nhật dẫn chiếu điều luật</p>

<p><u>hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> <u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> <u>Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;</u></p>	<p><i>Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i> <i>Thông tư 96/2020/TT-BTC là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</i></p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh b. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh b. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông; + <i>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</i> + <i>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p>	<p>Bổ sung theo Điều 2 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>
<p>Điều 4. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau</p>	<p>Điều 4. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 139 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <i>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết</i>, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	
<p>e) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.</p>	<p>e) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <i>khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty</i>; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.</p>	
<p>Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <i>Khoản 4 Điều 140</i> Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những</p>	<p>Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c) <i>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 142 Luật doanh</p>

đề xuất liên quan đến điểm (b) Khoản 1 Điều 6 Phụ lục này trong các trường hợp sau:	<i>từ chối kiến nghị quy định tại điểm (b) Khoản 1 Điều 7 Phụ lục này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến trong các trường hợp sau:</i>	ngành 2020
<input type="checkbox"/> Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;	<input type="checkbox"/> Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty;	Theo Khoản 2 Điều 142 và Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông Trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử.	Bổ sung nội dung liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
b) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	b) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <i>hai mươi một (21) ngày</i> trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	Sửa theo Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020
c) Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính	c) <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm</i>	Sửa theo Khoản 4 Điều

<p><u>năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u></p>	<p><i>của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, từ chối, trái ngược, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</i></p>	<p>273 Nghị định 155/2020//NĐ-CP</p>
<p>Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:</p> <p>c. Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:</p> <p>c. <i>Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>d. Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>3. <i>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng</i></p>	<p>Bổ sung nội dung liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử</p>

	<i>cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.</i>	
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông 4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.	Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông 4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.	
	<i>5. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.</i>	Chi tiết Điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC: Mẫu Quy chế quản trị nội bộ - Trình tự thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến
Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Chi tiết cách thức bỏ phiếu bằng hình thức

<p>1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p>	<p>1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu <i>biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác</i>. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.</p> <p><i>a. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được đếm riêng. Tổng số ý kiến Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.</i></p> <p><i>b. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết thu về so với số phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết thu về. Số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.</i></p> <p><i>c. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông</i></p>	<p>giơ tay/giơ thẻ hoặc bỏ phiếu vào hòm phiếu hoặc bỏ phiếu điện tử</p>
--	--	--

	<p><i>trực tuyến quy định tại Khoản 5 Điều 9 Quy chế này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</i></p>	
<p>Điều 12. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) trong thời hạn 24 giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	<p>Điều 12. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) trong thời hạn 24 giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	
<p>Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít</u></p>	<p>Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <i>cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc</i></p>	<p>Sửa theo Điều 151 và Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	
<p>Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <input type="checkbox"/> Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></p>	<p>Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <input type="checkbox"/> Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020: Bỏ yêu cầu chữ ký của Người đại diện theo pháp luật trong Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>
<p>e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu <input type="checkbox"/> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <input type="checkbox"/> Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty,</u> người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu <input type="checkbox"/> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <input type="checkbox"/> Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>Sửa theo Khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp: Bỏ quy định chữ ký của người đại diện theo pháp luật trong Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến</p>
<p>f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <u>ít nhất</u></p>	<p>f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện <i>trên</i></p>	<p>Theo Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020: “<i>Trường hợp</i></p>

<p>51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><i>thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành”</i></p>
<p>PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 27 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. 	

<p><u>2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> <u>- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.</p>	<p>- <i>Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i> - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.</p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau: - Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau: - <i>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</i> - <i>Cơ cấu, Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;</i> - <i>Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.</i> - <i>Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</i> - <i>Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Bổ sung theo Điều 3 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>
<p>Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo <i>Điều 155</i> Luật doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề</p>	<p>Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề</p>	

cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	
<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p><u>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty;</u></p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);</p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới công ty và các bên liên quan của công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

<p>h. Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p>		
<p>3. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>3. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), <u>trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p>	<p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), <i>trước thời điểm khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i>, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p>	<p>Theo Điểm a Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp: Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</p>

<p>PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <u>ngày 27 tháng 06 năm 2020</u> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp <u>số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</u>; - Luật Chứng khoán <u>số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006</u> và <u>Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010</u>; - <u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</u>; - <u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng</u>; - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam. 	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <i>ngày 19 tháng 04 năm 2021</i> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp <i>số 59/2020/QH14</i> được Quốc hội thông qua <i>ngày 17 tháng 06 năm 2020</i>. - Luật chứng khoán <i>số 54/2019/QH14</i> thông qua <i>ngày 26 tháng 11 năm 2019</i>; - <i>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán</i>. - <i>Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</i>. - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam. 	
<p>Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020</p>

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên <u>điều hành</u> của Hội đồng quản trị;	c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị;	
<p>Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p><u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Tiểu ban kiểm toán không phải là thành viên Hội đồng quản trị như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Thành viên Tiểu ban kiểm toán có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u></p>	<p>Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p>	Bỏ điều khoản này do Thành viên Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị
<p>Điều 7. Cách thức biểu quyết</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 38</u> Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p>	<p>Điều 7. Cách thức biểu quyết</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <i>Điểm a và Điểm b khoản 5 Điều 43</i> Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p>	
<p>Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và <i>tỷ lệ biểu quyết tương ứng</i>;</p> <p>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản; trừ</p>	Sửa theo Khoản 1 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020

	<p>trường hợp dưới đây.</p> <p><i>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</i></p>	
<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</u></p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.</p>	<p>Bổ do trùng lặp nội dung ở trên</p>
	<p><i>PHỤ LỤC 5: ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 5 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC Mẫu Quy chế quản trị nội bộ</p>
	<p><i>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</i></p> <p><i>Căn cứ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 	

	<p>tháng 11 năm 2019;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. - Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam. 	
	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Phụ lục này quy định về quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán; b. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán; c. Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban kiểm toán; d. Đề cử, ứng cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán; e. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán. <p>2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị theo quy định</p>	

	<p><i>của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</i></p>	
	<p>Điều 2: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị:</p> <p><i>Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty.</i></p>	
	<p>Điều 3. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn của Ủy ban kiểm toán</p> <p><i>1. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</i></p> <p><i>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</i></p> <p><i>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</i></p> <p><i>4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao</i></p>	

	<p>hơn.</p>	
	<p>Điều 4. Đề cử, ứng cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử, và không phải là người điều hành Công ty. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị miễn nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. <p>3. Hội đồng quản trị bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia các hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. 	
	<p>Điều 5. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Cuộc họp và cách thức thông qua quyết định của Ủy ban kiểm toán được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm</p>	

	<p><i>toán trực thuộc Hội đồng quản trị;</i></p> <p><i>2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên thực hiện theo Điều 41 Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.</i></p>	
PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 6: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NẾU CÓ)	
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 27 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <p><u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u></p> <p><u>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u></p> <p><u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p> <p><u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm</u></p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. - Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi 	

<p><u>2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.</p>	<p><i>hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i> - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.</p>	
<p>Điều 5. Tiểu ban nhân sự 1. Tiểu ban nhân sự Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, do một thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Trưởng Ban. Tiểu ban nhân sự có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị) do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiểu ban nhân sự có các chức năng sau: a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty. b. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô, cơ cấu Hội đồng quản trị, các người điều hành doanh nghiệp nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ</p>	<p>Điều 5. Tiểu ban nhân sự 1. Tiểu ban nhân sự Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, do một thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Trưởng Ban. Tiểu ban nhân sự có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị) do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiểu ban nhân sự có các chức năng sau: a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty. b. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô, cơ cấu Hội đồng quản trị, các người điều hành doanh nghiệp nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ</p>	

<p>Công ty.</p> <p>d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành doanh nghiệp, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban nhân sự do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>Công ty.</p> <p>d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành doanh nghiệp, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban nhân sự do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	
<p>PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p>	<p>PHỤ LỤC 7: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP</p>	
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <u>ngày 27 tháng 06 năm 2020</u> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp <u>số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</u>; - Luật Chứng khoán <u>số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006</u> và <u>Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010</u>; - <u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với</u> 	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <i>ngày 19 tháng 04 năm 2021</i> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp <i>số 59/2020/QH14</i> được Quốc hội thông qua <i>ngày 17 tháng 06 năm 2020</i>. - Luật chứng khoán <i>số 54/2019/QH14</i> thông qua <i>ngày 26 tháng 11 năm 2019</i>; - <i>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</i> - <i>Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số</i> 	

<p><u>công ty đại chúng;</u> <u>- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> <u>- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.</u></p>	<p><i>116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i> - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.</p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, bao gồm nội dung chính sau: a. Tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp; b. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp; c. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp; d. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp; e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm <u>Người phụ trách quản trị công ty.</u></p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, bao gồm nội dung chính sau: <i>a. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Người điều hành doanh nghiệp;</i> b. Tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp; c. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp; d. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp; e. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp; f. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm <i>Người điều hành doanh nghiệp.</i> g. <i>Tiền lương và lợi ích khác của Người điều hành doanh nghiệp</i></p>	<p>Bổ sung theo Điều 5 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>
	<p>Điều 3. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của</p>	<p>Bổ sung theo Điều 5</p>

	<p>Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty.</p>	Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty
<p>Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Giám đốc/Tổng giám đốc, Phó Giám đốc/Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:</p>	<p>Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Giám đốc/Tổng giám đốc, Phó Giám đốc/Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:</p> <p>d. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	Bổ sung theo Khoản 6 Điều 35 Điều lệ công ty
<p>PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</p>	<p>PHỤ LỤC 8: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</p>	
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <u>ngày 27 tháng 06 năm 2020</u> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <p>- Luật Doanh nghiệp <u>số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11</u></p>	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <u>ngày 19 tháng 04 năm 2021</u> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <p>- Luật Doanh nghiệp <u>số 59/2020/QH14</u> được Quốc hội</p>	

<p><u>năm 2014;</u> - Luật Chứng khoán <u>số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u> - <u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> - <u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.</p>	<p>thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. - Luật chứng khoán <i>số 54/2019/QH14</i> thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; - <i>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i> ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. - <i>Thông tư 116/2020/TT-BTC</i> là <i>Thông tư số 116/2020/TT-BTC</i> ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại <i>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i> ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.</p>	
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tiểu ban Kiểm toán và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau: a) Nguyên tắc làm việc; b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tiểu ban kiểm toán; c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc; d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Tổng giám</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau: a) Nguyên tắc làm việc; b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ủy ban kiểm toán; c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc; d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Tổng giám</p>	

<p>đốc và Tiểu ban kiểm toán .</p> <p>2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tiểu ban kiểm toán và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	<p>đốc và Ủy ban kiểm toán .</p> <p>2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.</p>	
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tiểu ban kiểm toán và Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc điều hành.</p>	
<p>Điều 3. Nguyên tắc phối hợp</p> <p>Hội đồng quản trị, Tiểu ban kiểm toán và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:</p>	<p>Điều 3. Nguyên tắc phối hợp</p> <p>Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:</p>	
<p>Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành</p> <p>3. Tổng giám đốc <u>đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị</u> có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành</p> <p>3. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Tổng giám đốc đồng thời/ không đồng thời là thành viên HĐQT đều có trách nhiệm báo cáo HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty.</p>
<p>Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tiểu ban kiểm toán</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với</p>	<p>Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với</p>	<p>Bỏ các điều khoản này do thành viên Ủy ban kiểm toán đều là thành</p>

<p>Tiểu ban kiểm toán, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Tiểu ban kiểm toán, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Tiểu ban kiểm toán.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Tiểu ban kiểm toán trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban kiểm toán và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Tiểu ban kiểm toán .</p> <p><u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời thành viên Tiểu ban kiểm toán không phải thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>5. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị thành viên Tiểu ban kiểm toán thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.</u></p> <p><u>6. Thành viên Tiểu ban kiểm toán đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u></p> <p><u>7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Tiểu ban kiểm toán có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</u></p> <p><u>8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho</u></p>	<p><i>Ủy ban kiểm toán, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ủy ban kiểm toán, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ủy ban kiểm toán .</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ủy ban kiểm toán trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Tiểu ban kiểm toán .</p>	<p>viên Hội đồng quản trị</p>
--	---	-------------------------------

<p><u>các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Tiểu ban kiểm toán cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>		
<p><u>Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Tiểu ban kiểm toán với Ban điều hành</u></p> <p><u>1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Tiểu ban kiểm toán hoặc các thành viên tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.</u></p> <p><u>2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Tiểu ban kiểm toán, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.</u></p> <p><u>3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng Tiểu ban kiểm toán và các thành viên.</u></p> <p><u>4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Tiểu ban kiểm toán và các thành viên được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</u></p> <p><u>5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Tiểu ban kiểm toán cùng thời điểm và theo phương thức như</u></p>		<p>Bỏ điều khoản này do Thành viên Ủy ban kiểm toán đều là thành viên HĐQT</p>

<p><u>gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>		
<p>PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	<p>PHỤ LỤC 9: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <u>ngày 27 tháng 06 năm 2020</u> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp <u>số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u> - Luật Chứng khoán <u>số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006</u> và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của <u>Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u> - <u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> - <u>Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam. 	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty <i>ngày 19 tháng 04 năm 2021</i> của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp <i>số 59/2020/QH14</i> được Quốc hội thông qua <i>ngày 17 tháng 06 năm 2020.</i> - Luật chứng khoán <i>số 54/2019/QH14</i> thông qua <i>ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i> - <i>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.</i> - <i>Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i> - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam. 	

<p>PHỤ LỤC 9: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p>	<p>PHỤ LỤC 10: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p>	
<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 27 tháng 06 năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11; - Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; - Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016; - Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; - Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; - Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam. 	<p>(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam)</p> <p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; - Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. - Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam. 	

<p>Điều 4. Bổ nhiệm và miễn nhiệm người phụ quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.</p>	<p>Điều 4. Bổ nhiệm và miễn nhiệm người phụ quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.</p>	<p>Theo Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Áp dụng đối với tất cả các công ty đại chúng</p>
<p>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p><i>i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan</i></p> <p>k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>